

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

---



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH**  
**SẠN VÀ DU LỊCH**

**Ngành: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

**Mã ngành: 7810103**

**Thái Nguyên, 2020**

## BẢN MÔ TẢ

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số: 585/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 13 tháng 7 năm 2020  
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên chương trình đào tạo:** *Quản trị kinh doanh Khách sạn Du lịch theo cơ chế đặc thù*

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Quản trị Dịch vụ Du lịch Lữ hành

**Mã ngành:** 7810103

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân đại học

**Thông tin kiểm định CTĐT:**

**Ngôn ngữ đào tạo:** Tiếng Việt, tiếng Anh

**Tên khoa thực hiện CTĐT:** : Khoa Marketing, Thương Mại và Du lịch

1. **Thời gian đào tạo:** 4 năm

2. **Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp phổ thông trung học...

3. **Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

- **Thang điểm:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

- **Quy trình đào tạo:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

- **Điều kiện tốt nghiệp:**

*Điều kiện chung:* Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

*Điều kiện của chương trình đào tạo:* ...

#### 4. **Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra**

*Mục đích (Goals)*

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản kinh doanh Khách sạn- Du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý và quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn, dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch; có khả năng hoạch định chiến lược, chính sách, kết hoạch kinh doanh du lịch phù hợp với

thực tiễn trong điều kiện môi trường biến động, thành thạo các hoạt động tác nghiệp tại các bộ phận như điều hành, hướng dẫn, lễ tân, thị trường, nhân sự, marketing và các bộ phận khác trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khách sạn. Tiếp cận, nắm vững và vận dụng sáng tạo các kiến thức thực tế từ các doanh nghiệp bên ngoài ngay trong thời gian học.

### Mục tiêu đào tạo (Objectives)

#### Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

- Kiến thức: Đào tạo sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh Khách sạn- Du lịch vận dụng tốt những kiến thức cơ bản của quản trị kinh doanh du lịch, khách sạn cũng như những kiến thức thực tế chuyên sâu trong các lĩnh vực kinh doanh du lịch và khách sạn. Các kiến thức được gắn kết với môi trường làm việc thực tế tại các doanh nghiệp.

- Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ tốt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong việc thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh du lịch, khách sạn và các đơn vị dịch vụ khác; tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành và khách sạn cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Các kỹ năng được trang bị và rèn luyện trong môi trường thực tế doanh nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cử nhân tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh Khách sạn- Du lịch có năng lực tự chủ và phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, trách nhiệm với công việc và khách hàng, có thể làm việc độc lập trong môi trường năng động, sáng tạo.

### Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
<b>1.</b>	<b>Kiến thức</b>	
<b>1.1</b>	Vận dụng các kiến thức chung về kinh tế, khoa học, xã hội, hệ thống chính trị và pháp luật và các kiến thức cơ bản về du lịch, khách sạn trong kinh doanh và quản lý	<b>3</b>
<b>1.2</b>	Phân tích tốt các kiến thức về thiết kế, tổ chức và điều hành hoạt động lữ hành cùng các kiến thức và nghiệp vụ chuyên sâu trong kinh doanh khách sạn nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và	<b>4</b>

	đảm bảo cạnh tranh. Các kiến thức được học tập và thực hành trong môi trường doanh nghiệp.	
<b>1.3</b>	Vận dụng các kiến thức tin học để tìm hiểu về các kiến thức chuyên ngành và đạt được chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế & QTKD.	<b>3</b>
<b>1.4</b>	Vận dụng tốt các kiến thức thực tiễn về quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn.	<b>3</b>
<b>1.5</b>	Hiểu được các giá trị văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán của các quốc gia là thị trường du lịch trọng điểm của Việt Nam.	<b>2</b>
<b>1.6</b>	Đánh giá được hiệu quả các dự án kinh doanh cũng như môi trường kinh doanh của ngành.	<b>4</b>
<b>1.7</b>	Sáng tạo trong việc giải quyết các tình huống liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ được trải nghiệm trong môi trường thực tế tại doanh nghiệp.	<b>5</b>
<b>1.8</b>	Sáng tạo trong các hoạt động quản trị kinh doanh Khách sạn- Du lịch như quản lý chất lượng, quản trị các nghiệp vụ lễ hành, được học tập trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp	<b>5</b>
<b>2.</b>	<b>Kỹ năng</b>	
<b>2.1</b>	Có khả năng giao tiếp tiếng anh cơ bản đối với khách du lịch, đối tác kinh doanh trong môi trường kinh doanh Khách sạn- lễ hành. Đạt được chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế & QTKD	<b>3</b>
<b>2.2</b>	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thuyết trình và làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tìm tòi sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học. Các kỹ năng được rèn luyện trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	<b>4</b>
<b>2.3</b>	Kỹ năng thực hành và quản trị tác nghiệp tại các bộ phận điều hành, hướng dẫn du lịch, thị trường, các bộ phận khác trong doanh nghiệp lễ hành được trang bị trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	<b>4</b>
<b>2.4</b>	Thu thập, xử lý thông tin và các kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ để giải quyết vấn đề trong kinh doanh khách sạn- du lịch	<b>3</b>
<b>3.</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	

<b>3.1</b>	Có khả năng tự học hỏi các kiến thức chuyên ngành cũng như có thể kết hợp với các cá nhân khác để hoàn thành công việc.	<b>3</b>
<b>3.2</b>	Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, ham học hỏi, nâng cao kiến thức nghiệp vụ, kiên trì bền bỉ với lựa chọn của bản thân, chịu được sức ép từ môi trường làm việc năng động, sáng tạo.	<b>4</b>
<b>3.</b>	Có khả năng lập kế hoạch, phân tích, thực hiện kiểm tra giám sát các vấn đề liên quan đến chuyên ngành	<b>3</b>

**5.2. Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)**

**5.3. Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)**

**6. Khối lượng kiến thức toàn khoá:125** tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

**7. Cách thức đánh giá**

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

**8. Nội dung chương trình đào tạo**

**8.1 Phân bố khối lượng các khối kiến thức**

<b>TT</b>	<b>Mã MP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>
<b>1</b>		<b>Phần Kiến thức giáo dục đại cương*</b>	<b>32</b>
<b>2</b>		<b>Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>83</b>
2.1		<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	<b>29</b>
2.2		<i>Kiến thức ngành</i>	<b>18</b>
2.3		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	<b>36</b>
2.4		<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	<b>10</b>
		<b>Tổng toàn khóa</b>	<b>125</b>

**8.2. Nội dung chương trình**

**8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương**

<b>TT</b>	<b>Mã MP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Mã HP trước, HP tiên quyết</b>
1	MPL 121	Triết học Mác-Lênin	3	
2	MLP 132	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	VCP131	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	VCP 121	Lịch sử Đảng CSVN	2	
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	
7	GIF131	Tin học đại cương	3	
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
9	MAE131	Toán kinh tế	3	
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	

## 8.22. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 8.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	<b>Bắt buộc</b>		<b>23</b>	
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	
21	MAN231	Quản trị học	3	
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ	3	
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	
25	GEM231	Marketing căn bản	3	
26	COP221	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	2	
	<b>Tự chọn</b>		<b>6</b>	

		<b>Tổ hợp 1</b>	<b>3</b>	
27	INE231	Kinh tế quốc tế	3	
	DED331	Soạn thảo văn bản quản lý	3	
		<b>Tổ hợp 2</b>	<b>3</b>	
28	TTL231	Luật Du lịch	3	
	TOS231	Khoa học du lịch	3	
	LGS331	Pháp luật thương mại H. hóa và Dịch vụ	3	

8.2.2.2. Kiến thức ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
	<b>Bắt buộc</b>		<b>15</b>	
29	TOE231	Kinh tế du lịch	3	
30	STM 231	Quản trị chiến lược	3	
31	TEG331	Địa lý du lịch	3	
32	PAB231	Nghệ thuật GT ứng xử trong KD DL	3	
33	AEV231	Quản trị sự kiện	3	
	<b>Tự chọn</b>		<b>3</b>	
34	SOM331	Marketing Xã hội	3	
	PRE231	Quan hệ công chúng	3	
	CBE231	Hành vi người tiêu dùng	3	

8.2.2.3. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
<b>Phần kiến thức về Khách sạn</b>			<b>16</b>	
	<b>Bắt buộc</b>		<b>13</b>	
35	HOM331	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	

36	THR331	Công nghệ phục vụ KS-NH	3	
37	QCT331	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	
38	COP4101	Thực tập nghiệp vụ Khách sạn	4	
35	HOM331	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	
36	THR331	Công nghệ phục vụ KS-NH	3	
37	QCT331	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	
38	COP4101	Thực tập nghiệp vụ Khách sạn	4	
	<b>Tự chọn</b>		<b>3</b>	
39	RBA331	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng	3	
	GRM331	Quản trị buồng phòng	3	
	SMA231	Marketing dịch vụ	3	
	HCW231	Lịch sử văn minh thế giới	3	
	FBA331	Quản trị thực phẩm và đồ uống	3	
<b>Phần kiến thức về Du lịch và Lữ hành</b>			<b>20</b>	
	<b>Bắt buộc</b>		<b>17</b>	
40	HOS231	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	
41	TOG331	Hướng dẫn du lịch	3	
42	DOT331	Thiết kế và điều hành tour	3	
43	ETR331	Tiếng Anh Du lịch	3	
44	COP4102	Thực tập nghiệp vụ Du lịch và lữ hành	5	
	<b>Tự chọn</b>		<b>3</b>	
45	DMA331	Marketing số và truyền thông xã hội	3	
	INM331	Internet Marketing	3	
	MAR331	Nghiên cứu Marketing	3	

#### 8.2.2.4. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>4</b>	
		<b>KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận</b>	<b>6</b>	



		<b>Tổ hợp 1</b>		
46	ETO331	Du lịch sinh thái	3	
	MTD331	Quản lý điểm đến du lịch	3	
	FCP331	Phong tục tập quán lễ hội	3	
		<b>Tổ hợp 2</b>		
47	NEB331	Đàm phán trong kinh doanh	3	
	IMA231	Marketing quốc tế	3	
	TMM331	Quản trị thương hiệu	3	

**8.2. Ma trận thể hiện sự đóng của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT**

**8.3. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)**

**9. Nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo (Phụ lục C)**

**10. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)**

**TRƯỜNG KHOA**



**PGS.TS. Nguyễn Thị Gấm**

## Phụ lục A:

*1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.*

<b>Khung trình độ quốc gia</b>	<b>Chuẩn đầu ra CTĐT</b>
<b>Kiến thức</b>	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1.1, 1.2
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.3
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.4, 1.5, 1.6
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.7, 1.8
<b>Kỹ năng</b>	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.2
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.3
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.2, 2.3
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.4,
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.2
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.1
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.1
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.2
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	<b>1.1.</b> 3.2
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.3

## **Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh**

1. Nội dung báo cáo đối sánh CDR của CTĐT.

### **Mục tiêu**

Nhằm đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo **Quản trị dịch vụ Du lịch- lễ hành** với các bên liên quan gồm: chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tương tự do các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước ban hành từ đó làm căn cứ để điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Phân tích đầu tư tài chính đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

### **Nội dung**

Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo **Quản trị dịch vụ Du lịch- lễ hành** với các bên liên quan gồm: chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tương tự do các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước ban hành.

## 2. MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

### 3.

CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành–ĐH Kinh tế & QTKD	CDR Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành - Trường ĐH Thương Mại	CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành – Đại học Kinh tế Quốc Dân
- <b>KT1:</b> Vận dụng các kiến thức chung về kinh tế, khoa học, xã hội, hệ thống chính trị và pháp luật và các kiến thức cơ bản về du lịch, khách sạn trong kinh doanh và quản lý.	80%	30%
- <b>KT2:</b> Phân tích tốt các kiến thức về thiết kế, tổ chức và điều hành hoạt động lữ hành cùng các kiến thức và nghiệp vụ chuyên sâu trong kinh doanh khách sạn nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và đảm bảo cạnh tranh. Các kiến thức được học tập và thực hành trong môi trường doanh nghiệp.	70%	50%
- <b>KT3:</b> Vận dụng tốt các kiến thức thực tiễn về quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn.	40%	70%
- <b>KT4:</b> Hiểu được các giá trị văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán của các quốc gia là thị trường du lịch trọng điểm của Việt Nam.	50%	50%
- <b>KT5:</b> Đánh giá được hiệu quả các dự án kinh doanh cũng như môi trường kinh doanh của ngành.	70%	60%
- <b>KT6:</b> Sáng tạo trong việc giải quyết các tình huống liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ được trải nghiệm trong môi trường thực tế tại	80%	40%

CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành–ĐH Kinh tế & QTKD	CDR Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành - Trường ĐH Thương Mại	CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành – Đại học Kinh tế Quốc Dân
doanh nghiệp.		
- <b>KT7:</b> Sáng tạo trong các hoạt động quản trị kinh doanh Khách sạn- Du lịch như quản lý chất lượng, quản trị các nghiệp vụ lữ hành, được học tập trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	50%	50%
- <b>KT8:</b> Vận dụng các kiến thức tin học để tìm hiểu về các kiến thức chuyên ngành và đạt được chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế & QTKD.	50%	50%
<b>2.2 Kỹ năng</b>		
Chuẩn kỹ năng bao gồm:		
- <b>KN1:</b> Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thuyết trình và làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tìm tòi sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học. Các kỹ năng được rèn luyện trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	80%	90%
- <b>KN2:</b> Kỹ năng thực hành và quản trị tác nghiệp tại các bộ phận điều hành, hướng dẫn du lịch, thị trường, các bộ phận khác trong doanh nghiệp lữ hành được trang bị trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	90%	30%
- <b>KN3:</b> Thu thập, xử lý thông tin và các kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ để giải quyết vấn đề trong kinh doanh khách sạn- du lịch	30%	90%

CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành–ĐH Kinh tế & QTKD	CDR Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành - Trường ĐH Thương Mại	CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành – Đại học Kinh tế Quốc Dân
- <b>KN4:</b> Có khả năng giao tiếp cơ bản đối với khách du lịch, đối tác kinh doanh trong môi trường kinh doanh Khách sạn- lữ hành.	90%	80%
<b>2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm bao gồm:		
- <b>NL1:</b> Có khả năng tự học hỏi các kiến thức chuyên ngành cũng như có thể kết hợp với các cá nhân khác để hoàn thành công việc.	70%	60%
- <b>NL2:</b> Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, ham học hỏi, nâng cao kiến thức nghiệp vụ, kiên trì bền bỉ với lựa chọn của bản thân, chịu được sức ép từ môi trường làm việc năng động, sáng tạo.	100%	70%
- <b>NL3:</b> Có khả năng lập kế hoạch, phân tích, thực hiện kiểm tra giám sát các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.	60%	70%

4.

5. Trong đó, các nội dung đối sánh có những nội dung giống chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Phân tích đầu tư tài chính của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh ghi tỷ lệ % giống. Nếu không có nội dung giống/liên quan thì để trống (hoặc dấu gạch “-”).

### **3. Đánh giá chung**

- Về cơ bản, các chuẩn đầu ra mà khoa đưa ra tương đối đầy đủ và phù hợp.
- Khoa đã đưa ra được chuẩn đầu ra về kiến thức chung, kiến thức chuyên môn, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.
- Các chuẩn đầu ra đã được xây dựng trên cơ sở bám sát khung trình độ quốc gia và đảm bảo nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực phù hợp.

## **2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT.**

### **Mục tiêu**

Nhằm đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo **Quản trị dịch vụ Du lịch- lễ hành** với các bên liên quan gồm: chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tương tự do các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước ban hành từ đó làm căn cứ để điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Phân tích đầu tư tài chính đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

### **Nội dung**

- Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo **Quản trị dịch vụ Du lịch- lễ hành** với các bên liên quan gồm: chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tương tự do các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước ban hành.

### 3. MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

#### 4.

CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành–ĐH Kinh tế & QTKD	CDR Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành - Trường ĐH Thương Mại	CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành – Đại học Kinh tế Quốc Dân
- <b>KT1:</b> Vận dụng các kiến thức chung về kinh tế, khoa học, xã hội, hệ thống chính trị và pháp luật và các kiến thức cơ bản về du lịch, khách sạn trong kinh doanh và quản lý.	80%	30%
- <b>KT2:</b> Phân tích tốt các kiến thức về thiết kế, tổ chức và điều hành hoạt động lữ hành cùng các kiến thức và nghiệp vụ chuyên sâu trong kinh doanh khách sạn nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và đảm bảo cạnh tranh. Các kiến thức được học tập và thực hành trong môi trường doanh nghiệp.	70%	50%
- <b>KT3:</b> Vận dụng tốt các kiến thức thực tiễn về quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn.	40%	70%
- <b>KT4:</b> Hiểu được các giá trị văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán của các quốc gia là thị trường du lịch trọng điểm của Việt Nam.	50%	50%
- <b>KT5:</b> Đánh giá được hiệu quả các dự án kinh doanh cũng như môi trường kinh doanh của ngành.	70%	60%
- <b>KT6:</b> Sáng tạo trong việc giải quyết các tình huống liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ được trải nghiệm trong môi trường thực tế tại	80%	40%



CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành–ĐH Kinh tế & QTKD	CDR Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành - Trường ĐH Thương Mại	CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành – Đại học Kinh tế Quốc Dân
doanh nghiệp.		
- <b>KT7:</b> Sáng tạo trong các hoạt động quản trị kinh doanh Khách sạn- Du lịch như quản lý chất lượng, quản trị các nghiệp vụ lữ hành, được học tập trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	50%	50%
- <b>KT8:</b> Vận dụng các kiến thức tin học để tìm hiểu về các kiến thức chuyên ngành và đạt được chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế & QTKD.	50%	50%
<b>2.2 Kỹ năng</b>		
Chuẩn kỹ năng bao gồm:		
- <b>KN1:</b> Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thuyết trình và làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tìm tòi sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học. Các kỹ năng được rèn luyện trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	80%	90%
- <b>KN2:</b> Kỹ năng thực hành và quản trị tác nghiệp tại các bộ phận điều hành, hướng dẫn du lịch, thị trường, các bộ phận khác trong doanh nghiệp lữ hành được trang bị trong môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.	90%	30%
- <b>KN3:</b> Thu thập, xử lý thông tin và các kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ để giải quyết vấn đề trong kinh doanh khách sạn- du lịch	30%	90%

CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành–ĐH Kinh tế & QTKD	CDR Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành - Trường ĐH Thương Mại	CDR CTĐT Quản trị dịch vụ Du lịch- lữ hành – Đại học Kinh tế Quốc Dân
- <b>KN4:</b> Có khả năng giao tiếp cơ bản đối với khách du lịch, đối tác kinh doanh trong môi trường kinh doanh Khách sạn- lữ hành.	90%	80%
<b>2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm bao gồm:		
- <b>NL1:</b> Có khả năng tự học hỏi các kiến thức chuyên ngành cũng như có thể kết hợp với các cá nhân khác để hoàn thành công việc.	70%	60%
- <b>NL2:</b> Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, ham học hỏi, nâng cao kiến thức nghiệp vụ, kiên trì bền bỉ với lựa chọn của bản thân, chịu được sức ép từ môi trường làm việc năng động, sáng tạo.	100%	70%
- <b>NL3:</b> Có khả năng lập kế hoạch, phân tích, thực hiện kiểm tra giám sát các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.	60%	70%

5.

6. Trong đó, các nội dung đối sánh có những nội dung giống chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Phân tích đầu tư tài chính của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh ghi tỷ lệ % giống. Nếu không có nội dung giống/liên quan thì để trống (hoặc dấu gạch “-”).

### **3. Đánh giá chung**

- Về cơ bản, các chuẩn đầu ra mà khoa đưa ra tương đối đầy đủ và phù hợp.
- Khoa đã đưa ra được chuẩn đầu ra về kiến thức chung, kiến thức chuyên môn, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.
- Các chuẩn đầu ra đã được xây dựng trên cơ sở bám sát khung trình độ quốc gia và đảm bảo nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực phù hợp.

**Phụ lục C: Nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo (Mẫu)**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập Tự do Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành: Quản trị DV du lịch & lữ hành**  
**Mã ngành: 7810103**

**CTĐT: Quản trị kinh doanh KS & DL**  
**Thời gian đào tạo: 4 năm**

TT	Mã HP	Khối kiến thức / học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ									
				LT	TH	I		II		III		IV			
						1	2	3	4	5	6	7	8		
<b>1. Khối Kiến thức đại cương</b>			<b>32</b>												
1	MLP132	Triết học Mác-Lênin	3	36	18	3									
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2								
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12				2						
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12					2					
5	VCP121	Lịch sử Đảng CSVN	2	24	12						2				
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2									
7	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18		3								
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18	3									
9	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18		3								
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2									
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2								
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2							
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2						
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2					
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x									
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x								
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x							
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x							
<b>2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>47</b>												
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>29</b>												
	<i>Bắt buộc</i>		<b>23</b>												
19	MIE231.	Kinh tế học vi mô 1	3	36	18	3									
20	MAN231	Quản trị học	3	36	18	3									
21	MAE231.	Kinh tế học vĩ mô 1	3	36	18		3								
22	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18		3								
23	FAM231.	Tài chính - tiền tệ	3	36	18			3							
24	PRS231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3							



<i>Tự chọn</i>			<b>3</b>										
45	DMA331	Marketing số và truyền thông xã hội	3	36	18							3	
	INM331	Internet Marketing	3	36	18								
	MAR331	Nghiên cứu Marketing	3	36	18								
2.4		<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>4</b>										4
2.5		<b>KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận</b>	<b>6</b>										6
		<i>Tổ hợp 1</i>											
46	ETO331	Du lịch sinh thái	3	36	18							x	
	MTD331	Quản lý điểm đến du lịch	3	36	18								
	FCP331	Phong tục tập quán lễ hội	3	36	18								
		<i>Tổ hợp 2</i>											
47	NEB331	Đàm phán trong kinh doanh	3	36	18							x	
	IMA231	Marketing quốc tế	3	36	18								
	TMM331	Quản trị thương hiệu	3	36	18								
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>			<b>125</b>			<b>16</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>17</b>	<b>10</b>

\* Trong trường hợp tổng số tín chỉ các học phần Tiếng Anh là 10 tín chỉ thì tổng số tín chỉ của khối kiến thức đại cương là 32 tín chỉ và tổng số tín chỉ toàn khóa sẽ là 125 tín chỉ.

\* Trong các học phần (HP) tự chọn của các khối kiến thức sẽ chia thành các tổ hợp, các HP tự chọn của mỗi tổ hợp đảm bảo tính tương đồng về kiến thức, kỹ năng, năng lực và cùng đáp ứng một số CDR của CTĐT.

- 6 tín chỉ tự chọn khối kiến cơ sở ngành chia các HP thành 02 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

- 9 tín chỉ tự chọn khối kiến ngành chia các HP thành 03 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

- 12 tín chỉ tự chọn khối kiến chuyên ngành chia các HP thành 04 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

- 6 tín chỉ tự chọn thay thế khóa luận chia các HP thành 02 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.

**Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần**